



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ

Phòng Thông tin - Văn hoá

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh

Hà Nội, Việt Nam

(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

CENTER FOR INTERNATIONAL PRIVATE ENTERPRISE

ECONOMIC REFORM TODAY, NO.1, 1999

## HÀN QUỐC: DÂN CHỦ VÀ CẢI CÁCH KHU VỰC DOANH NGHIỆP

Meredith Woo-Cumings

*(Tác giả là Phó Giáo sư về Khoa học Chính trị và là Chủ nhiệm Hội nghị bàn tròn về Kinh tế Chính trị của trường ĐHTH Northwestern (Mỹ). Bà còn là tác giả cuốn "Cuộc đua tới sự mau lẹ: vai trò của nhà nước và ngành tài chính trong công cuộc công nghiệp hoá của Hàn Quốc" với bút danh Jung-en Woo)*

Trong cuộc khủng hoảng châu Á 1997-1998, hệ thống tài chính mà đã gắn kết nền kinh tế-chính trị của Hàn Quốc đã sụp đổ vì chính sức nặng của nó. Sự đầu cơ tiền tệ và căn bệnh tài chính lây lan của khu vực đã châm ngòi cho cuộc khủng hoảng, nhưng gốc rễ sâu xa hơn của sự sụp đổ nằm chính ở bên trong, nó bắt nguồn từ những mâu thuẫn trong cấu trúc doanh nghiệp của Hàn Quốc.

Những mâu thuẫn này nằm ở đâu? Kể từ những năm 60, trong khi nỗ lực tìm cách củng cố an ninh quốc gia và thúc đẩy công cuộc công nghiệp hoá với nhịp độ cao, chính phủ Hàn Quốc đã lập ra một loạt các định chế và các chính sách công cộng để khuyến khích sự phát triển của các doanh nghiệp có đẳng cấp thế giới, thường được gọi là các chaebol. Một chaebol là một tập đoàn các công ty do gia đình sở hữu và quản lý, nó kiểm soát các dây chuyền sản xuất và các ngành công nghiệp theo hình thức độc quyền hoặc lũng đoạn theo nhóm. Để đáp lại sự trợ giúp từ chính phủ, chaebol ủng hộ chính phủ, và có chức năng không thể thiếu được về công ăn việc làm và phúc lợi trong một xã hội hầu như không có một mạng lưới về an sinh xã hội.

### TRỢ CẤP NỢ

Cốt lõi của mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau này là sự kiểm soát của chính phủ đối với khu vực tài chính. Vào những năm 60 và 70, khi hệ thống ngân hàng hoàn toàn do chính phủ sở hữu và quản lý, chaebol lệ thuộc hoàn toàn vào các ngân hàng về vốn liếng. Khi ấy, vốn được phân bổ với mức lãi suất không cao. Vào những năm 70, các ngân hàng cấp các khoản vay với mức lãi suất thực âm -- chẳng hạn như một khoản vay phải trả lãi 6% trong một môi trường có lạm phát là 12% -- dành cho các hãng tuân theo mệnh lệnh nằm trong chiến lược công nghiệp của chính phủ. Để bù lại cho những mức lãi suất thấp này, chính phủ yêu cầu chaebol đi theo các chiến lược phát triển công nghiệp của chính phủ về thúc đẩy xuất khẩu và công nghiệp hoá.

Theo cách này, chính phủ tạo ra một sự khuyến khích về cơ cấu dành cho các hãng lệ thuộc vào nguồn tài chính của ngân hàng. Kết cục cuối cùng là một khu vực doanh nghiệp nợ nần chồng chất. Tỷ lệ nợ/cổ phần của chaebol là rất cao, trong khoảng từ 300% đến 400% trong 30 năm qua.

Vì các hãng được kích thích theo kiểu tín dụng đòn bẩy như thế, cho nên, để tránh khả năng quỵ nợ - một điều có thể xảy ra khi các khoản tín dụng ưu đãi bị cắt đứt - doanh nghiệp buộc phải duy trì mối quan hệ tốt với chính phủ. Mức độ kích thích đòn bẩy cao cũng có nghĩa là thậm chí những thay đổi nhỏ trong tỷ lệ chiết khấu hoặc các lãi suất tín dụng ưu đãi giữa các ngành cũng có thể tác động ghê gớm đến việc phân bổ nguồn lực. Vì vậy, các hãng được khuyến khích chuyển sang các ngành được nhà nước thúc đẩy và được dành cho tín dụng ưu đãi. Những chính sách này giúp chính phủ có thể thay đổi hình thái đầu tư của nền kinh tế và điều khiển tính năng động của các ngành.

Vào những năm 60, chaebol được thành lập như là các nhà sản xuất hàng công nghiệp nhẹ dành cho xuất khẩu. Vào giữa những năm 70, các chaebol có được cấu trúc đa dạng và lớn như hiện nay bằng cách tiến vào các ngành công nghiệp nặng, trong đó có sản xuất thép, hoá chất, máy công cụ, xe hơi, đóng tàu, và phát điện. Các hãng này đã phát triển rất mạnh mẽ. Từ 1970 đến 1975, ba chaebol phát triển nhanh nhất -- Hyundai, Daewoo và Ssangyong -- có mức tăng trưởng hàng năm lần lượt là 33%, 35%, và 34%. Mức tăng trưởng quá mạnh và nguy hiểm ấy, kèm theo là sự lệ thuộc vào các khoản nợ được dàn xếp bằng chính trị, đã làm các nhà doanh nghiệp bất chấp rủi ro và đầu tư quá mức cần thiết để cạnh tranh.

Ngày nay, hoạt động kinh tế ở Hàn Quốc tập trung cao độ giữa các chaebol. Ví dụ: vào năm 1990, 30 chaebol hàng đầu chiếm 35% tổng doanh số bán của các ngành công nghiệp sản xuất. 30 chaebol hàng đầu này cũng sử dụng 16% số nhân viên làm việc trong ngành sản xuất. Chaebol cũng có một số lượng lớn các hãng con. Vào năm 1994, con số các hãng con của 5 chaebol hàng đầu là 210, còn 30 chaebol hàng đầu có 616 hãng con.

Ban đầu, sự đa dạng lạ thường này có được nhờ việc thiết lập các chi nhánh mới. Cấu trúc đồ sộ và đa dạng rõ ràng của chaebol, kết hợp với việc dễ dàng được nhận các khoản vay do chính phủ dàn xếp, là điều thiết yếu giúp Hàn Quốc thành công trong việc giành được thị phần trên thế giới, bởi vì thua lỗ ở một chi nhánh có thể được bù đắp bằng lãi ở một chi nhánh khác.

### CUỘC ĐẤU GIỮA THỊ PHẦN VÀ LỢI NHUẬN

Vào thời điểm bùng nổ cuộc khủng hoảng tài chính 1997, rõ ràng là các chaebol do gia đình điều hành đã không có lãi. Các hoạt động của chúng chịu rất ít tác động của các yếu tố thị trường như giá cả hoặc cung và cầu. Thay vào đó, các chaebol trong một thời gian dài đã theo đuổi mục tiêu là duy trì thị phần, ngay cả khi chính sách này kéo theo việc phải hoạt động kinh doanh trong tình trạng bị lỗ hoặc luẩn quẩn trong trạng thái vỡ nợ do từ lâu đã quen vay tiền thường xuyên.

Từ năm 1988 đến 1996, khả năng sinh lợi của Hàn Quốc - được tính bằng số thu thực trên tài sản theo giá trị đồng nội tệ - ở mức thấp nhất trong số 9 nước vùng Đông Á, và thấp hơn mức sinh lợi trung bình của các công ty Đức và Hoa Kỳ. Đồng thời, số thu thực trên tài sản tính theo đô la Mỹ, đã được điều chỉnh theo những thay đổi tỷ giá, cho thấy rằng trong cùng một khoảng thời gian là vài năm, Hàn Quốc lại ghi nhận những tỷ lệ tương đối thấp (9,2%) s với Philipin (17,2%) và Thái Lan (14,7%), mặc dù còn cao hơn Nhật Bản (6,6%).

Những con số này chỉ ra rằng trong khi doanh số bán thực đang tăng lên thì lợi nhuận của các chaebol tiếp tục giảm. Đến năm 1996, Hàn Quốc là một trong những nước ở Đông Á có tỷ lệ lợi nhuận thấp nhất và là một trong những nước trong vùng có tỷ lệ đầu tư cao nhất. Để bù đắp cho tình trạng chỉ duy trì được những khoản thu ít ỏi, các hãng cần đến nguồn tài chính khổng lồ từ bên ngoài. Trong giai đoạn 1988-1996, các hãng Hàn Quốc nợ nần nhiều hơn hầu hết các hãng khác trên thế giới. Trong giai đoạn này, tỷ lệ tín dụng đòn bẩy doanh nghiệp -- bằng tổng nợ chia cho cổ phần -- trong các hãng Hàn Quốc là 348%, là mức cao nhất so với 50 nước khác.

Tình trạng tài chính này có thể quy cho cung cách các ngân hàng Hàn Quốc phân bổ tín dụng cho các doanh nghiệp lớn. Về việc tái thanh toán, họ phụ thuộc vào tài sản thế chấp, đó là một hệ thống phức tạp gồm những sự bảo lãnh đan chéo nhau từ các chi nhánh và các công ty con của tập đoàn, và sự bảo lãnh cá nhân chủ tịch và các giám đốc tập đoàn. Các ngân hàng ít chú ý đến hiệu suất lãi và luồng luân chuyển tiền mặt của các con nợ (tức là các chaebol).

Đến cuối năm 1997, lãi suất đột ngột tăng cao -- đây là một chính sách để bảo vệ đồng won -- đã đẩy các chaebol đến mép vực. Theo một số nhà phân tích, những cú sốc về tiền tệ và lãi suất kết hợp với nhau đã làm cho 49% các hãng Hàn Quốc cạn kiệt tiền mặt và 40% các hãng, trên lý thuyết, mất khả năng trả nợ. 5 chaebol chủ chốt -- với tổng số nhân viên là hơn 100.000 ngàn người và tổng giá trị tài sản là 26,7 ngàn tỷ won -- đã không thể trả nợ và nhanh chóng phá sản. Hơn 1 nửa trong số 30 chaebol lớn nhất -- có tổng số nhân công là 250.000 người và nợ 130 tỷ đô la -- đã có nguy cơ phá sản.

### DÂN CHỦ VÀ CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP

Cuộc khủng hoảng tài chính đã dẫn đến cải cách kinh tế, trong đó có cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp. Chương trình cải cách đến nay đã có hiệu quả rõ rệt nhờ sự kết hợp 3 yếu tố. Thứ nhất, cường độ của cuộc khủng hoảng này đã kéo các định chế tài chính quốc tế tham gia vào tiến trình cải cách. Thứ hai, các nhà lãnh đạo chính trị mới cam kết cải cách, với mục tiêu là phá vỡ sự liên kết giữa chính phủ, ngân hàng và chaebol, cũng như tăng cường pháp quyền, cả các doanh nghiệp lẫn chính phủ đều

phải hành động theo đúng pháp luật. Thứ ba, để tạo ra một trật tự kinh tế tự do, chính phủ tiếp tục dựa vào chính sách công nghiệp.

Cải cách kinh tế ở Hàn Quốc đã không dẫn đến việc chính phủ rút lui khỏi thị trường. Ngược lại, điều này có nghĩa là can thiệp sâu, sử dụng một phương pháp mà chính phủ đã từng áp dụng trong quá khứ: hoán đổi và sáp nhập trong ngành công nghiệp được chỉ đạo và dàn xếp từ bên trên. Được hậu thuẫn bởi quyền lực rộng lớn và uy tín của một xã hội có tổ chức tốt và tập trung, những chính sách công nghiệp hỗn hợp không chính thống này chính là những gì tạo đà cho các cuộc cải cách hiện nay.

Cuộc khủng hoảng 1997-1998 đã buộc chính phủ phải giải quyết vấn đề nợ nần kéo dài trong hệ thống ngân hàng. Cuộc khủng hoảng và việc cấp cứu các doanh nghiệp sau đó cũng đã đưa các định chế tài chính quốc tế như là Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới (WB) tham gia vào tiến trình cải cách và làm cho khả năng thành công trở nên lớn hơn nhiều. Đây là tin tức tốt lành đối với các nhà hoạch định chính sách của Hàn Quốc, vì các định chế tài chính quốc tế có thể đứng ra hứng chịu những chê bai chính trị thay cho chính quyền mới khi người dân phê phán IMF về những chính sách và những hệ quả không được lòng dân, như là hợp pháp hoá việc sa thải hàng loạt, nạn thất nghiệp tăng vọt và một loạt các doanh nghiệp phá sản. Theo cách này, các định chế tài chính quốc tế đã làm giảm những hiểm hoạ chính trị của cải cách và là tấm lá chắn vô hình cho chính quyền Hàn Quốc.

Giới lãnh đạo mới không đột nhiên đưa ra lời cam kết về cải cách kinh tế. Các nhà dân chủ Hàn Quốc từ lâu đã tin rằng dân chủ và tự do tài chính gắn bó cực kỳ chặt chẽ với nhau. Tổng thống Kim Dae Jung là nhà dân chủ Hàn Quốc nổi bật nhất nói lên quan điểm này. Ông đã ủng hộ việc tự do hoá tài chính trong 30 năm qua, không phải vì ông xem xét mọi thứ dưới góc độ của tính hiệu quả về phân bổ vốn và nguồn lực, mà vì tự do tài chính chính là cách có hiệu quả nhất cắt đứt mối nối giữa chính phủ độc đoán và các chaebol.

Người ta có thể thấy một sự minh hoạ về mối liên kết này, đó là trong các phiên xét xử 2 cựu tổng thống từng nắm quyền vào giữa những năm 90, các ông chủ của các chaebol khi đối chất đã khai rằng họ đã hối lộ tất cả các chính trị gia hàng đầu kể từ những năm 60, phần nào mục đích là để nhận được sự bảo lãnh vay vốn để duy trì các hãng có tỷ lệ tín dụng đòn bẩy cao của họ. Hãng nào mà không đóng góp (tiền hối lộ - ND) cho giới chính trị theo yêu cầu thì hãng ấy có nguy cơ bị tước cấp tín dụng và phải phá sản. Những mối quan hệ tham nhũng này đã làm nhor nhược hình ảnh các hãng hàng đầu đã tạo ra điều kỳ diệu Hàn Quốc, đồng thời báo hiệu rằng nền dân chủ vốn đã được chờ đợi từ lâu đã đến. Chỉ một tiến trình dân chủ đã có thể phá vỡ mối liên kết chặt chẽ giữa các chaebol và chính phủ độc đoán của Hàn Quốc.

Chính quyền của ông Kim Dae Jung đã ban hành một loạt các biện pháp để thúc ép cải cách doanh nghiệp, trong đó có việc huỷ bỏ hệ thống bảo lãnh nợ giữa các công ty chi nhánh và đặt ra thời hạn để các doanh nghiệp hạ thấp tỷ lệ nợ/cổ phần. Ông Kim Dae Jung cũng yêu cầu tiến hành chương trình "Big Deal" (Thoả Thuận Lớn), tức là các chaebol sẽ hoán đổi cho nhau các công ty chi nhánh chủ chốt của mình sao cho từng chaebol sẽ trở nên mạnh mẽ hơn trong các lĩnh vực mà họ có thể mạnh chính. Mục đích của việc làm này là làm giảm các khoản đầu tư chồng chéo và giúp giảm năng lực sản xuất dư thừa đúng thời hạn.

Kế hoạch cải cách cả gói tập trung vào cơ cấu lại các khu vực doanh nghiệp và ngân hàng. Vì các ngân hàng Hàn Quốc phân bổ một tỷ lệ phần trăm đáng kể các khoản vay của họ cho các chaebol cụ thể, họ được khuyến khích cấp các khoản vay ngắn hạn cho các tập đoàn để duy trì sự tồn tại còn hơn là để các tập đoàn ấy sụp đổ kéo theo cả các ngân hàng. Tình trạng này có nghĩa là trên thực tế các ngân hàng là các cổ đông của các doanh nghiệp. Như vậy, việc cơ cấu lại các doanh nghiệp liên quan chặt chẽ đến cơ cấu lại các ngân hàng và cơ cấu lại sự phân bổ vốn, cũng như là giải quyết các khoản nợ khó đòi trong khu vực ngân hàng. Các cải cách này đang diễn ra tiếp sau những biện pháp tăng cường luồng luân chuyển tiền mặt và cổ phần của các chaebol và gia hạn thanh toán nợ cho họ.

Để thi hành cải cách, chính phủ lập ra Ủy ban Giám sát Tài chính (gọi tắt là FSC), nó là một cơ quan độc lập báo cáo trực tiếp lên thủ tướng, có nhiệm vụ cơ cấu lại cả khu vực doanh nghiệp và các định chế tài chính. FSC tiến hành công việc theo từng bước, đầu tiên là tập trung vào việc "tính toán" tự nguyện của 6 trong số 64 chaebol lớn nhất. Việc "tính toán" gồm chuyển đổi nợ/cổ phần, gia hạn thanh toán, đưa ra các hình thức thanh toán vốn và lãi mới, giảm lãi suất, xoá nợ, cấp các khoản tín dụng mới, bãi bỏ những nghĩa vụ bảo lãnh hiện tại, bán bớt các doanh nghiệp không then chốt, và phát hành cổ phiếu mới để gọi vốn. Nếu việc cơ cấu lại các chaebol cũ vừa mà thành công, thì một đơn thuốc tương tự cũng sẽ được áp dụng cho 5 chaebol hàng đầu.

Liên tục và mau lẹ, chính phủ đã cho ra đời một loạt các chính sách pháp lý điều tiết để cơ cấu lại 6 trong số 64 chaebol lớn nhất. Các chính sách đưa ra ưu đãi về thuế để cơ cấu lại các hãng, đầu tư trực tiếp của nước ngoài được tự do hoá, cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được mua lại các công ty không có tầm quan trọng chiến lược, và nâng mức trần về sở hữu cổ phần đối với người nước ngoài. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các cuộc sáp nhập và mua lại công ty, hoạt động mua bán chứng khoán cũng đã được cải tổ bằng cách tăng tỷ lệ cổ phiếu có thể mua được mà không cần hội đồng quản trị thông qua. Chính phủ cũng củng cố các đạo luật về thương mại bình đẳng và chống độc quyền, cấm các bảo lãnh nợ mới giữa các công ty chi nhánh, cũng như là cam kết cho đến năm 2000 sẽ xoá bỏ những bảo lãnh hiện nay.

## CẢI CÁCH CHAEBOL

Về 5 chaebol lớn nhất, chính phủ theo đuổi một chiến lược dài hạn với mục tiêu tạo ra các doanh nghiệp có tính cạnh tranh quốc tế, kể cả điều này buộc họ (5 chaebol hàng đầu □ ND) phải hoán đổi hoặc sáp nhập và mua lại các cơ sở kinh doanh của nhau. Các chương trình cải cách của chính phủ Hàn Quốc lâu nay nhấn mạnh rằng để tồn tại được trong một thế giới toàn cầu hoá, các hãng cần phải có quy mô đồ sộ và chuyên môn hoá. Mọi chính quyền mới ở Hàn Quốc đã ép buộc thực hiện "hợp lý hoá công nghiệp" để trừng trị các chaebol cũng như là để làm cho các chaebol mạnh hơn. Như vậy, bất chấp việc các chaebol cam kết tự nguyện cải thiện cơ cấu tài chính của họ, chính phủ vẫn khẳng định phải thi hành chương trình "Big Deal" là chương trình được thiết kế để tinh giản các doanh nghiệp và giảm sự dư thừa về năng lực sản xuất. Bằng cách đe dọa cắt tín dụng, chính phủ đã dàn xếp được một loạt các cuộc hoán đổi các cơ sở kinh doanh có giá trị tài sản cao.

Ví dụ như Daewoo đã đồng ý chuyển giao hãng điện tử của mình cho Samsung để đổi lấy hãng xe hơi của Samsung. Điều này có nghĩa là Samsung sẽ thống lĩnh thị trường hàng điện tử tiêu dùng của Hàn Quốc với thị phần là 60%. Còn Daewoo sẽ trở thành một trong hai hãng xe hơi duy nhất của Hàn Quốc bên cạnh hãng Hyundai vì rằng ngành công nghiệp xe hơi đã được củng cố lại từ một sân chơi gồm 5 người nay chỉ còn hai. Chính phủ cũng đã dàn xếp cuộc sáp nhập giữa các công ty sản xuất chip (vi mạch) bộ nhớ của tập đoàn Hyundai và tập đoàn LG, lập ra hãng sản xuất lớn thứ hai trên thế giới trong lĩnh vực chip bộ nhớ truy nhập ngẫu nhiên mạnh -DRAM chip. (Hãng sản xuất DRAM chip lớn nhất thế giới là Samsung).

Việc cơ cấu lại doanh nghiệp với quy mô như nói trên đã gây hoạ cho người lao động. Chính quyền hiện nay tìm cách để toàn xã hội cùng chia sẻ những đau đớn mà kế hoạch cứu vớt kinh tế của IMF gây ra, nhưng các vụ sa thải hàng loạt có liên quan đến công cuộc tái cơ cấu còn tiếp tục. Đến cuối năm 1998, 5 chaebol hàng đầu đã cắt giảm 10% lực lượng lao động của mình, và họ đe dọa là sẽ còn cắt giảm nữa. Đến lượt những người lao động, họ phản đối việc tái cơ cấu doanh nghiệp, nhưng cường độ tàn phá ghê gớm của cuộc khủng hoảng tài chính đã làm cho họ mất đi thế mạnh để mặc cả. Nhưng ngay cả trong bối cảnh như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử Hàn Quốc, chính quyền hiện nay đã cho giới lao động có một tiếng nói mạnh mẽ tại bàn thương lượng với giới doanh nghiệp và chính phủ. Hành động này đã ngăn chặn việc giới lao động xúi giục tổ chức các vụ phá rối và các cuộc đình công lớn, ngay cả khi nạn thất nghiệp tăng từ 2% hồi giữa năm 1997 thành 7% vào cuối năm 1998.

## CÁC BÀI HỌC TỪ CUỘC CẢI CÁCH CỦA HÀN QUỐC

Những phân tích ở trên về công cuộc cải cách doanh nghiệp của Hàn Quốc cho thấy một số bài học về cải cách ở các nước Đông Á khác. Các nhà hoạch định chính sách ở Ấn Độ có thể đang ghi nhận dân chủ hoá đã giúp đỡ cho cải cách ở Hàn Quốc ra sao, trong khi Bangkok có thể chú ý đến các nỗ lực của Seoul về cải thiện tính minh bạch trong tài chính và mối quan hệ của việc làm này với giới lao động có tổ chức. Malaysia có thể đánh giá về những mối lợi sẽ thu về nếu đáp ứng những đề nghị có cơ sở của phương Tây về cải cách, hơn là rêu rao về chủ nghĩa đế quốc phương Tây và "các giá trị châu Á". Thế nhưng, mặc dù có những ví dụ khác nhau như vậy, nhưng những bài học chính sẽ liên quan chủ yếu đến những nước láng giềng lớn của Hàn Quốc là Trung Quốc và Nhật Bản.

Khu vực ngân hàng ở CHND Trung Quốc phải chịu gánh nặng nợ nần lưu cữu giống như tình trạng của Hàn Quốc. TQ có thể rút ra hai bài học ngược lại từ ví dụ của Hàn Quốc. Thứ nhất, TQ có thể kết luận rằng vấn đề nợ đọng của nước này không kinh khủng như lời của các quan sát viên phương Tây. Hàn Quốc có mức nợ đọng tính theo GNP tồi tệ hơn, ấy thế mà vẫn có thể tăng trưởng với tốc độ ngoạn mục trong 3 thập kỷ, chứ không như những lời tiên đoán của các nhà kinh tế hàng đầu của phương Tây. Thứ hai, TQ có thể kết luận rằng trì hoãn cải cách cơ cấu kinh tế sẽ chỉ làm lớn thêm tác hại của một cuộc khủng hoảng tài chính rất cuộc sẽ xảy ra như là hậu quả của việc không cải cách.

Các nhà lãnh đạo TQ đã chỉ ra rằng cuộc khủng hoảng châu Á đã nhấn mạnh nhu cầu cải cách kinh tế. Vào đầu năm 1999, thủ tướng Chu Dung Cơ nói rằng các vấn đề của các doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng cần được giải quyết dứt khoát và nhanh chóng trong vòng 3 năm tới. Thách thức sẽ là tiến hành các thay đổi như thế nào để những cải thiện về hiệu quả kinh tế nhờ cải cách mạnh mẽ và tạo công ăn việc làm giảm nhẹ đi những thảm họa về mặt xã hội do nạn thất nghiệp liên quan đến cải cách gây ra.

Còn có một điểm giống nhau giữa các chaebol Hàn Quốc và các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) của TQ. Vì mạng lưới an sinh xã hội ở cả hai nước hoặc cực kỳ yếu ớt hoặc hầu như không tồn tại, các chaebol và các DNNN cung cấp cho các nhân viên của mình sự trợ giúp phúc lợi thiết yếu. Ở TQ, DNNN cấp cho số nhân viên khổng lồ của mình những trợ giúp bất dịch gồm nhà ở giá rẻ, chăm sóc y tế và lương hưu. Các chaebol Hàn Quốc cũng cấp những phúc lợi tương tự cho các nhân viên của họ.

Ví dụ như một nhân viên điển hình của Hyundai dùng xe hơi Hyundai, sống trong một căn hộ Hyundai, được vay tiền bằng thế chấp tín dụng của Hyundai, được chăm sóc y tế tại một bệnh viện của Hyundai, con anh ta được đi học với học phí là tiền vay của Hyundai hoặc được Hyundai cấp học bổng, và anh ta ăn tại các quán ăn của Hyundai. Khả năng từ 10 đến 20% lực lượng lao động sẽ gia nhập đội quân lao động đang làm tăng thêm khó khăn của cuộc cải cách kinh tế ở cả hai nước.

Không thể tiến hành cải cách trong một sớm một chiều, có lẽ kể cả trong vài ba năm, nhưng cải cách có thể thành công. Ví dụ như Hàn Quốc và Đài Loan đã thừa kế các doanh nghiệp nhà nước lớn từ thời thuộc địa Nhật Bản nhưng các nước này đã thành công trong việc giải thể hoặc tư nhân hoá nhiều doanh nghiệp trong số đó trong nhiều năm. Sự đánh đổi giữa tích lũy và phân phối (hoặc việc làm) luôn luôn là điều khó khăn, nhưng Kim Dae Jung đã cho thấy những vi phạm sai trái có thể giảm đi bằng cách cắt đứt một số mối liên kết giữa chính phủ và các doanh nghiệp lớn.

Hàn Quốc và Nhật Bản có thể rút ra bài học từ tiến trình cải cách mà mỗi nước trải qua. Hàn Quốc đang áp dụng những biện pháp đã phổ biến ở Nhật Bản kể từ những năm 50, như là đàm phán đỉnh cao với các công đoàn, cải cách cơ cấu của zaibatsu (tập đoàn công nghiệp Nhật Bản ?) và cung cấp một mạng lưới an sinh xã hội rộng lớn.

Có thể nói thành công tương đối của chương trình cải cách của Hàn Quốc có được là do cuộc khủng hoảng tài chính trầm trọng xảy ra đồng thời với cuộc bầu cử tổng thống mở ra một thời kỳ mới. Kim Dae Jung thừa hưởng chính phủ mạnh của Hàn Quốc, và ông đã sử dụng tối đa bộ giáp hành pháp này để thúc đẩy cuộc cải cách quan trọng. Hệ thống chính trị của Nhật Bản thường được mô tả là "một cái mạng nhưng không có con nhện nào", tức là có một bộ máy hành chính mạnh nhưng ngành hành pháp lại khá yếu. Tình hình của Hàn Quốc thì hoàn toàn ngược lại. Quyền lực của tổng thống thì mạnh trong khi bộ máy hành chính lại khá yếu. Kể từ khi Kim Dae Jung lên nắm quyền, con nhện bắt đầu di chuyển nhanh nhẹn trên cái mạng. Sự khác biệt căn bản này giúp người ta hiểu được về sự năng động của nỗ lực cải cách của Hàn Quốc so với sự do dự chính trị của Nhật Bản./.

*Toàn văn bằng tiếng Anh của bài viết có trên Internet tại: [http://www.cipe.org/pdf/99pdf/e31/e31\\_7.pdf](http://www.cipe.org/pdf/99pdf/e31/e31_7.pdf)*